

$$\text{Chi phí xây dựng} = \frac{1.250\text{USD}/\text{m}^2 \times 1.000\text{m}^2}{25 \text{ năm}} \times 10 \text{ năm} = 500.000\text{USD}$$

+ Đối với doanh thu cho doanh nghiệp C và doanh nghiệp D thuê văn phòng, chi phí xây dựng được phân bổ để xác định lợi tức chịu thuế là:

$$\text{Chi phí xây dựng} = (1.250\text{USD}/\text{m}^2 \times 1.000\text{m}^2) \times 2 = 2.500.000\text{USD}.$$

Trường hợp trong năm tính thuế có các hạng mục công trình chưa xác định được các chi phí xây dựng thực tế thì chi phí của các hạng mục này được tạm xác định trên cơ sở dự toán chi phí theo giải trình kinh tế kỹ thuật và phân bổ cho diện tích cho thuê thu tiền một lần. Khi hoàn thành quyết toán công trình sẽ tính toán lại chi phí xây dựng theo thực tế, mọi chênh lệch giữa chi phí xây dựng thực tế và chi phí theo dự toán được điều chỉnh vào kết quả kinh doanh của năm tài chính tiếp theo năm công trình hoàn thành.

* Các chi phí khác phát sinh trong năm phân bổ cho phần doanh thu thu tiền trước, cụ thể:

Chi phí phát sinh trong năm phân bổ cho doanh thu thu tiền trước	=	$\frac{\text{Tổng các khoản chi phí khác phát sinh trong năm tính thuế}}{\text{Tổng doanh thu phát sinh trong năm}}$	x	Doanh thu thu tiền trước
--	---	--	---	--------------------------

- Trường hợp các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng, cho thuê nhà, văn phòng đang trong thời gian được hưởng ưu đãi về thuế thì lợi tức chịu thuế của doanh thu thu tiền trước được xác định như sau:

Lợi tức chịu thuế của doanh thu thu tiền trước	=	$\frac{\text{Lợi tức chịu thuế đối với doanh thu thu tiền trước}}{\text{Số năm thu tiền trước}}$	x	$\left(\begin{matrix} \text{Số năm thu tiền trước} \\ \text{Số năm được miễn thuế} \end{matrix} \right)$
--	---	--	---	---

Trong đó:

Số năm được miễn thuế	=	Số năm miễn thuế theo giấy phép đầu tư	-	Số năm tính từ năm doanh nghiệp có lãi
-----------------------	---	--	---	--

Hai năm được giảm thuế tính bằng một năm miễn thuế.

5. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và áp dụng đối với việc quyết toán thuế lợi tức từ năm 1997. Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

THÔNG TƯ số 49/1998/TT-BTC ngày 13-4-1998 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66-TT/LB ngày 12-8-1994 về hướng dẫn sửa đổi mức thu phí, lệ phí lãnh sự quy định tại Thông tư số 83-TT/LB ngày 4-10-1993.

Thi hành Nghị định số 189-HĐBT ngày 4-6-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Lãnh sự, Bộ Tài chính và Bộ Ngoại giao đã ban hành Thông tư số 83-TT/LB ngày 4-10-1993 quy định chế độ thu phí, lệ phí lãnh sự ở nước ngoài và Thông tư số 66-TT/LB ngày 12-8-1994 sửa đổi mức thu phí, lệ phí lãnh sự tại Thông tư số 83-TT/LB ngày 4-10-1993;

Để thi hành Quyết định số 767-TTg ngày 17-9-1997 của Thủ tướng Chính phủ về một số chủ trương, chính sách đối với cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài và theo đề nghị của Bộ Ngoại giao tại Công văn số 304-NG/UBNV ngày 16-3-1998, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung,

sửa đổi Điểm 1 Thông tư số 66-TT/LB ngày 12-8-1994 như sau:

Phí, lệ phí lãnh sự đối với người Việt Nam định cư tại Thái Lan thu bằng 50% mức thu quy định tại Thông tư số 83-TT/LB ngày 4-10-1993.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những nội dung khác không đề cập tại Thông tư này vẫn thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 66-TT/LB ngày 12-8-1994 và Thông tư số 83-TT/LB ngày 4-10-1993 của liên Bộ Tài chính - Ngoại giao quy định về việc thu phí, lệ phí lãnh sự.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan đại diện báo cáo về Bộ Ngoại giao và Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

THÔNG TƯ số 51/1998/TT-BTC ngày 16-4-1998 hướng dẫn thủ tục thu nộp, thẩm quyền xét miễn, giảm và quyết toán về thuế doanh thu, thuế lợi tức; thủ tục giải quyết vướng mắc về thuế.

Căn cứ Luật Thuế doanh thu, Luật Thuế lợi tức, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết số 38-CP ngày 4-5-1994 của Chính phủ cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức, Chỉ thị số 342-TTg ngày 22-5-1997 của Thủ tướng Chính phủ đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính.

Nhằm đơn giản và xử lý nhanh chóng những

thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung, sửa đổi một số điểm về thủ tục thu nộp, xét miễn, giảm và quyết toán về thuế doanh thu, thuế lợi tức; thủ tục về khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực thuế như sau:

1. kê khai nộp thuế:

Hàng tháng, cơ sở kinh doanh lập tờ khai tính thuế doanh thu và thuế lợi tức gửi cơ quan thuế theo thời gian quy định (trừ các hộ nộp thuế khoán). Cơ quan thuế tiếp nhận tờ khai, kiểm tra các số liệu kê khai và ra thông báo thuế gửi đối tượng nộp thuế. Định kỳ, cơ quan thuế tổ chức kiểm tra thuế tại doanh nghiệp; trước khi tiến hành kiểm tra, cơ quan thuế phải ra quyết định thành lập tổ kiểm tra, quy định rõ nhiệm vụ và thời hạn phải hoàn thành việc kiểm tra, tránh tình trạng kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Thẩm quyền xét miễn thuế, giảm thuế và trình tự, thủ tục xét miễn, giảm thuế:

a) Cơ quan thuế trực tiếp quản lý thuế được xét miễn thuế, giảm thuế cho cơ sở kinh doanh trong các trường hợp sau đây:

- Miễn thuế doanh thu, thuế lợi tức đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dành riêng cho lao động là người tàn tật quy định tại Thông tư số 23-TC/TCT ngày 26-4-1996 của Bộ Tài chính.

- Xét miễn thuế, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức đối với các cơ sở dạy nghề quy định tại Thông tư số 32-TC/TCT ngày 6-7-1996 của Bộ Tài chính.

- Miễn thuế doanh thu đối với những người già yếu, tàn tật, người sản xuất, kinh doanh nhỏ... quy định tại Điểm 1, Mục I, Phần D Thông tư số 97-TC/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính.

- Xét giảm thuế doanh thu đối với cơ sở kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, dịch họa, tai nạn bất ngờ quy định tại Điểm 2, Mục I, Phần D Thông tư số 97-TC/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính.